**Thứ hai ngày 21 tháng 12 năm 2020**

**TẬP ĐỌC**

**CON CHÓ NHÀ HÀNG XÓM**

**I/ MỤC TIÊU :**

- Biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ; hoặc bước đầu biết đọc rõ lới nhân vật trong bài.

- Hiểu ND: Sự gần gũi, đáng yêu của con vật nuôi đối với đời sống tình cảm của bạn nhỏ (làm được các bài tập trong SGK)

**-** Giáo dục HS phải biết yêu mến động vật nuôi.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên: bảng phụ, tranh minh họa bài đọc.

- Học sinh : Sách Tiếng việt.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định**  **2. Bài cũ :**  - Gọi 3 em đọc bài “Bé Hoa” và TLCH :  - Nhận xét, tuyên dương HS.  **3. Bài mới**:  H: Bạn trong nhà là những gì?  - Chỉ vào bức tranh: Chó mèo là những vật nuôi trong nhà rất gần gũi với các em. Bài học hôm nay sẽ nói về tình cảm giữa một em bé và cún con. *Con chó nhà hàng xóm.*  **\* Hoạt động 1**: Luyện đọc.  - GV đọc mẫu lần 1, giọng chậm rãi, tình cảm.  - Cho HS đọc từng câu:  - Kết hợp luyện phát âm từ khó: *Cún Bông, nhảy nhót, khúc gỗ, ngã đau, sung sướng, vẫy đuôi, rối rít*.  - HS nối tiếp câu lần 2.  *-* Gv chia đoạn và cho HS đọc từng đoạn trước lớp.  - GV giới thiệu các câu cần chú ý cách đọc.  *Bé rất thích chó/ nhưng nhà bé không nuôi con nào.//*  *Một hôm,/mải chạy theo Cún, bé vấp phải một khúc gỗ/ và ngã đau,/không đứng dậy được.//*  *Cún mang cho bé/ khi thì tờ báo hay cái bút chì,/ khi thì con búp bê …… //*  *Nhìn bé vuốt ve Cún,/ bác sĩ hiểu/ chính Cún đã giúp bé mau lành.//*  - HS đọc đoạn lần 2.  - Hướng dẫn đọc chú giải : (SGK/ tr 129)  - *Đọc từng đoạn trong nhóm*  - Nhận xét.  - Cho lớp đọc đồng thanh  - Gọi 1 HS đọc toàn bài. | Hát    - 3 em đọc bài và TLCH.  - Lắng nghe  - Là những vật nuôi trong nhà như chó, mèo.  - Nghe, ghi bài vào vở.  - 1 em đọc, lớp theo dõi đọc thầm.  - HS nối tiếp nhau đọc từng câu cho đến hết  - HS luyện đọc các từ khó.  - Đọc nối tiếp câu lần 2.  - HS nối tiếp nhau đọc từng đoạn trong bài.  - HS đọc các câu dài.  - HS nối tiếp đọc đoạn lần 2.  - 1 HS đọc chú giải.  - HS đọc từng đoạn trong nhóm.  - Thi đọc giữa các nhóm (từng đoạn, cả bài).  - Đọc đồng thanh.  - 1 em đọc |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***Hoạt động 2****: Tìm hiểu bài*  - Gọi 1 em đọc đoạn 1, 2 và trả lời:  H: Bạn của bé ở nhà là ai ?  H: Chuyện gì xảy ra khi bé chạy theo Cún?    H: Lúc đó Cún Bông đã giúp bé thế nào ?  - Gọi 1 HS đọc đoạn 3, 4 và trả lời:  H: Những ai đến thăm bé ? Vì sao bé vẫn buồn?  Hỏi: Cún đã làm cho bé vui như thế nào ?  H: Từ ngữ hình ảnh nào cho thấy bé vui, Cún cũng vui?  H: Bác sĩ nghĩ bé mau lành là nhờ ai ?  H: Câu chuyện này cho em thấy điều gì ?  *\** ***Hoạt động 3:*** *Luyện đọc lại.*  **-** Gọi Các nhóm thi đọc.  - Nhận xét.  **3. Củng cố, dặn dò**:  H: Câu chuyện nói lên điều gì?  \* GDHS: Phải biết yêu mến vật nuôi trong nhà.  - GV nhận xét tiết học  - Dặn HS về đọc lại bài và chuẩn bị bài mới. | -1 em đọc đoạn 1-2.  - Bạn ở nhà của bé là Cún Bông. Cún Bông là con chó nhà hàng xóm.  - Bé vấp phải khúc gỗ, ngã đau và không đứng dậy được.  - Cún đã chạy đi tìm người giúp bé.  - 1 HS đọc đoạn 3-4, lớp đọc thầm  - Bạn bè thay nhau đến thăm bé nhưng bé vẫn buồn vì bé nhớ Cún mà chưa gặp được Cún.  - Cún mang cho bé khi thì tờ báo hay cái bút chì, khi thì con búp bê …. Cún luôn ở bên chơi với bé.  - Bé cười Cún sung sướng vẫy đuôi rối rít.  - Bác sĩ nghĩ bé mau lành là nhờ Cún Bông, Cún Bông ở bên cạnh luôn chơi với bé.  - Tình cảm gắn bó thân thiết giữa bé và Cún Bông.  - Các nhóm thi đọc, mỗi nhóm 5 em  - HS trả lời.  - Lắng nghe  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**TOÁN**

**NGÀY, GIỜ**

**I/ MỤC TIÊU** :

- Nhận biết được 1 ngày có 24 giờ, 24 giờ trong một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.

- Biết các buổi và tên gọi các giờ tương ứng trong một ngày; nhận biết đơn vị đo thời gian: ngày, giờ; biết xem giờ đúng trên đồng hồ; nhận biết thời điểm, khoảng thời gian các buổi sáng, trưa,chiều, tối, đêm.

- Chăm chỉ học tập

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên : Mặt đồng hồ bằng bìa có kim ngắn, kim dài.

- Học sinh : Sách, vở BT, bảng con, nháp.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ:**  - Gọi HS lên bảng làm:  100 – 27 100 - 9 100 – x = 46  - Nhận xét, biểu dương HS.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài: Ngày giờ  **\* Hoạt động 1** : Giới thiệu ngày giờ.  **-** Mỗi ngày có ban ngày và ban đêm, hết ngày rồi lại đến đêm. Ngày nào cũng có buổi sáng, trưa, chiều, tối.  *H:* Lúc 5 giờ sáng em đang làm gì ?  H: Lúc 11 giờ trưa em đang làm gì ?  H: Lúc 3 giờ chiều em đang làm gì ?  H: Lúc 8 giờ tối em đang làm gì ?  - Mỗi khi HS trả lời GV quay kim trên mặt kim đồng hồ chỉ đúng câu trả lời của HS.  -Một ngày có 24 giờ. Một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.  - HDHS đọc bảng phân chia thời gian trong ngày.  H: 2 giờ chiều còn gọi là mấy giờ ?  H: 23 giờ còn gọi là mấy giờ ?  H: Phim truyền hình thường được chiếu vào lúc 18 giờ tức là lúc mấy giờ chiều ?  - Đôi khi ta cũng có thể nói 14 giờ, 23 giờ, 20 giờ ….  - Đồng hồ minh họa.  **\* Hoạt động 2** : Luyện tập .  ***Bài 1*** :  - Gọi HS nêu yêu cầu.  - Gọi 2 em lên bảng. Lớp tự làm.  - Đồng hồ thứ nhất chỉ mấy giờ ?  - Điền số mấy vào chỗ chấm ?  - Em tập thể dục lúc mấy giờ ?  - Yêu cầu học sinh làm tương tự phần còn lại.  - Nhận xét, khen HS.  ***Bài 3*** :  - Giới thiệu đồng hồ điện tử sau đó đối chiếu làm.  - Nhận xét, tuyên dương HS.  **3. Củng cố, dặn dò:**  **-** Một ngày có bao nhiêu giờ ?  - Một ngày bắt đầu và kết thúc như thế nào ?  - Một ngày có mấy buổi ?  - Buổi sáng tính từ mấy giờ đến mấy giờ ?  - Nhận xét tiết học.  **-** Dặn HS làm lại các bài tập và chuẩn bị bài mới. | - Hát  - 2 em đặt tính và tính, tìm x.  - Lắng nghe  - Nghe, ghi tên bài  - Lắng nghe  - Em đang ngủ  - Em đang ăn cơm.  - Tuỳ học sinh trả lời  - Em đang xem tivi  - Nhắc lại  - 5-6 em đọc bảng phân chia thời gian.  - 14 giờ  - 11 giờ đêm  - 6 giờ chiều  - Lắng nghe  - Quan sát  - Xem giờ được vẽ trên mặt đồng hồ rồi ghi số chỉ giờ vào chỗ chấm tương ứng.  - 6 giờ  - Số 6  - Lúc 6 giờ sáng  - Làm bài. Nhận xét Đ – S.  - Lắng nghe, sửa bài.  - HS tập quay kim đồng hồ chỉ giờ em làm việc đó (4-5 em )  - 2 -3 em trả lời.  - Lắng nghe  - 24 giờ  - Trả lời  - 5 buổi,...  - HS trả lời  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÀ TRƯỜNG**

**I/ MỤC TIÊU**

- Nêu được công việc của một số thành viên trong nhà trường.

- Tự nhận thức vị trí của mình trong nhà trường, có trách nhiệm tham gia công việc trong trường phù hợp với lứa tuổi.

- Phát triển kĩ năng giao tiếp thông qua các hoạt động học tập

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC*:***

- Giáo viên : tranh minh họa

- Học sinh : Sách TN&XH, Vở BT.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC *:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ** :Trường học.  - Nói tên trường mình ?  - Kể tên các phòng trong trường em ?  - Ngoài các phòng học trường bạn còn có phòng nào?  - Nhận xét.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài: Các thành viên trong nhà trường.  ***\* Hoạt động 1: Công việc của các thành viên.***  - Chia nhóm, phát mỗi nhóm 1 tờ bìa.  - Theo dõi nhắc nhở nhóm làm việc.  - GV kết luận (SGV/ tr 56)  ***\*Hoạt động 2****:* ***Thảo luận.***  - Nói về công việc của từng thành viên trong hình và vai trò của họ đối với trường học (Thảo luận nhóm 2)  - Giáo viên theo dõi, giúp đỡ.  - Trong trường bạn biết những thành viên nào?  - Họ làm những việc gì?  - Tình cảm và thái độ của bạn đối với các thành viên đó ra sao ?  - Để thể hiện lòng yêu quý, bạn sẽ làm gì ?  - Kết luận (SGV/ tr 57)  ***\* Hoạt động 3*** *: Trò chơi “Đó là ai”*  - HD cách chơi:1 em đứng quay lưng, lấy 1 tờ bìa có tên một thành viên gắn vào lưng áo. Bạn khác nói các thông tin về thành viên đó. Em quay lưng phải đoán đúng.  - Nhận xét, tuyên dương HS.  **3. Củng cố, dặn dò:**  **-** Em biết những thành viên nào trong trường em?  - Giáo dục tư tưởng cho HS.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn HS xem lại bài và chuẩn bị bài mới. | - Hát  - HS trả lời  - Lắng nghe, khen bạn  - Lắng nghe, ghi bài vào vở  - Các nhóm nhận bìa.  - Quan sát và làm việc theo nhóm.  - Gắn các bìa vào từng hình cho phù hợp.  - Nhắc lại kết luận.  - Làm việc theo cặp.  - Đại diện nhóm trình bày.  + Cô Hiệu trưởng, Cô Hiệu phó, Thầy tổng phụ trách …  + Cô Hiệu trưởng lo nhiệm vụ chung, Cô Hiệu phó lo chuyên môn, Thầy tổng phụ trách lo hoạt động đội, …..  - Rất yêu quý, kính trọng .  - Ra sức học tập …….  - 2-3 em nhắc lại.  - Làm việc theo cặp: 1 em hỏi, 1 em trả lời.  - HS tham gia trò chơi.  - Lắng nghe  - 1 em trả lời.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**ĐẠO ĐỨC**

**GIỮ TRẬT TỰ VỆ SINH NƠI CÔNG CỘNG (TIẾT 1)**

**I/ MỤC TIÊU** :

- Nêu được lợi ích của việc giữ trật tự, vệ sinh nơi công cộng; nêu được những việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để giữ trật tự, vệ sinh nơi công cộng

- Thực hiện giữ trật tự, vệ sinh ở trường, lớp, đường làng, ngõ xóm; Hiểu được lợi ích của việc giữ trật tự, vệ sinh nơi công cộng.

- Nhắc nhở bạn bè cùng giữ trật tự, vệ sinh ở trường, lớp, đường làng, ngõ xóm và những nơi công cộng khác.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên : Tranh, ảnh , đồ dùng cho sắm vai.

-Học sinh : Sách, vở BT.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định lớp**  **2. Bài cũ :**  H: Em thấy sân trường, lớp học mình như thế nào?  ⬜ có lợi cho sức khoẻ.  ⬜ giúp em học tập tốt hơn.  ⬜ là bổn phận của mỗi học sinh.  ⬜ thể hiện lòng yêu trường, lớp.  ⬜ là trách nhiệm của bác lao công  - Nhận xét, đánh giá.  **3. Bài mới** :  - Giới thiệu bài: Giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng/ tiết 1.  ***\* Hoạt động 1*** *: Phân tích tranh.*  - Treo tranh: Trên sân trường có biểu diễn văn nghệ. Một số bạn chen nhau để lên gần sân khấu.  - Nội dung tranh vẽ gì ?  - Việc chen lấn xô đẩy có tác hại gì ?  - Qua sự việc này em rút ra được điều gì ?  Kết luận : (SGV/ tr 55)  ***\* Hoạt động 2*** *:* *Xử lý tình huống.*  - Treo tranh. Hỏi:  - Bức tranh vẽ gì ?  - Em đoán xem em bé đang nghĩ gì ?  - GV yêu cầu thảo luận : Về cách giải quyết, phân vai.  - Một số em sắm vai..  - Tự liên hệ (Cách ứng xử như vậy có lợi: Biết giữ vệ sinh nơi công cộng, có hại: vứt rác bừa bãi làm bẩn đường sá, có khi làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.)  - Nhận xét.  - Kết luận (SGV/ tr 55)  ***\* Hoạt động 3****: Đàm thoại.*  - Các em biết những nơi công cộng nào ?  - Để giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng, các em cần làm gì và cần tránh những việc gì ?  - Giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng có tác dụng gì?  - GV kết luận (SGV/ tr 56)  **4. Củng cố, dặn dò** :  - Em sẽ làm gì để thể hiện việc giữ vệ sinh nơi công cộng?  - Giáo dục tư tưởng  - Nhận xét tiết học, dặn học bài và chuẩn bị bài mới. | - Hát  - Làm phiếu Trường lớp sạch đẹp sẽ :  - Lắng nghe  - Lắng nghe  - Quan sát & TLCH.  - Một số bạn chen nhau để lên gần sân khấu xem biểu diễn văn nghệ.  - Gây ồn ào cản trở cho việc biểu diễn văn nghệ, mất trật tự công cộng.  - Phải giữ trật tự nơi công cộng.  - 2-3 em nhắc lại.  - Quan sát.  - Bức tranh vẽ trên ô tô, một bạn nhỏ tay cầm bánh ăn, tay kia cầm lá bánh.  - Em nghĩ “Bỏ rác vào đâu bây giờ?”  - Chia nhóm thảo luận, tìm cách giải quyết và phân vai diễn.  - Thực hiện đóng vai.  - Tự liên hệ  - Lắng nghe  - 2-3 em nhắc lại.  - Trường học, bệnh viện, công viên, vườn hoa, trung tâm mua sắm, ….  - Không gây ồn ào, làm mất trật tự, không xả rác. Lịch sự tế nhị giữ vệ sinh chung.  - Thể hiện nếp sống văn minh, giúp công việc của con người được thuận lợi.  - 1 em nêu.  - Trả lời  - Lắng nghe  - Lắng nghe và chuẩn bị  - Học bài. |

**Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Thứ ba ngày 22 tháng 12 năm 2020**

**TOÁN**

**THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ (Tr78)**

**I/ MỤC TIÊU:**

- Biết xem đồng hồ ở thời điểm buổi sáng, buổi chiều, buổi tối.

- Nhận biết số chỉ giờ lớn hơn 12 chẳng hạn 17 giờ, 23 giờ; nhận biết các hoạt động sinh hoạt, học tập thường ngày liên quan đến thời gian.

- Chăm chỉ học tập, rèn tính cẩn thận.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên : Tranh bài 1-2. Mô hình đồng hồ có kim quay.

- Học sinh : Sách, vở BT, bảng con, nháp.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ** :Ngày giờ.  - Một ngày có bao nhiêu giờ ?  - Một ngày bắt đầu từ đâu và kết thúc ở đâu ?  - Một ngày chia làm mấy buổi ? Buổi sáng tính từ mấy giờ đến mấy giờ ?  -Nhận xét, biểu dương HS.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài: Thực hành xem đồng hồ.  **\* Hoạt động1** : Thực hành.  ***Bài 1*** : Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  - Bạn An đi học lúc mấy giờ ?  - Đồng hồ nào chỉ lúc 7 giờ sáng ?  - Giáo viên đưa mô hình đồng hồ và yêu cầu HS quay kim đến 7 giờ.  - Tiến hành tương tự các tranh còn lại.  - 20 giờ còn gọi là mấy giờ ?  - 17 giờ còn gọi là mấy giờ chiều ?  - Hãy dùng cách nói khác để nói lại An đá bóng và xem phim ?  -Kết luận, biểu dương HS.  ***Bài 2* :** Hãy đọc câu hỏi ghi dưới tranh 1 ?  - Muốn biết câu nào đúng câu nào sai ta phải làm gì ?  - Giờ vào học là mấy giờ ?  - Bạn học sinh đi học lúc mấy giờ ?  - Bạn đi học sớm hay muộn ?  - Câu nào Đ câu nào S?  - Để đi học đúng giờ bạn học sinh phải đi học lúc mấy giờ ?  -Tiến hành tương tự với các tranh còn lại.  -Tranh 4 : Câu a (Đ). Bạn Lan tập đàn lúc 20 giờ.  - Nhận xét.  **3. Củng cố, dặn dò:**  - Cho học sinh xem đồng hồ và hỏi.  **-** Nhận xét tiết học  - Dặn HS về xem đồng hồ và chuẩn bị bài mới. | - Hát  - Một ngày có 24 giờ.  - Từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.  - Chia 5 buổi : Buổi sáng từ 1 giờ sáng đến 10 giờ sáng  - Lắng nghe  - Nghe, ghi tên bài.  - Đồng hồ nào chỉ thời gian thích hợp với giờ ghi trong tranh.  - Bạn An đi học lúc 7 giờ sáng.  - Đồng hồ B chỉ 7 giờ sáng  - HS quay  - HS quay kim trên mặt đồng hồ.  - 20 giờ còn gọi là 8 giờ tối.  -17 giờ còn gọi là 5 giờ chiều.  - An xem phim lúc giờ tối, An đá bóng lúc 5 giờ chiều.  - Lắng nghe  - Đi học đúng giờ/ Đi học muộn.  - Bạn nhận xét thực hành Đ-S.  - Quan sát tranh, đọc giờ quy định trong tranh và xem đồng hồ rồi so sánh.  - Là 7 giờ  - Lúc 8 giờ  - Bạn học sinh đi học muộn  - Câu a sai, câu b đúng  - Đi học trước 7 giờ để đến trường lúc 7 giờ.  - HS trả lời với các tranh còn lại  - Lắng nghe  - HS trả lời  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**KỂ CHUYỆN**

**CON CHÓ NHÀ HÀNG XÓM**

**I/ MỤC TIÊU :**

- Dựa theo tranh, kể được đầy đủ ý từng đoạn câu chuyện; biết nghe và nhận xét lời kể của bạn.

- Kể được các đoạn của câu chuyện

- Thích kể chuyện.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên : tranh minh họa.

-Học sinh : Nắm được nội dung câu chuyện, thuộc .

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ** :  - Gọi 2 em nối tiếp nhau kể lại câu chuyện “Hai anh em”  - Câu chuyện nói lên điều gì ?  - Nhận xét.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài  - Câu chuyện kể về điều gì?  - Tình bạn đó như thế nào ?  - Tiết kể chuyện hôm nay chúng ta sẽ kể lại câu chuyện “Con chó nhà hàng xóm”.  **\* HĐ 1**: Kể từng đoạn truyện theo tranh.  *Bài 1*:  -Bài tập yêu cầu gì ?  - Yêu cầu chia nhóm  - Mỗi gợi ý ứng với một đoạn của truyện.  *+ Tranh 1*: Tranh vẽ ai ? Cún Bông và Bé đang làm gì?  + *Tranh 2*: Chuyện gì đã xảy ra khi Bé và Cún Bông đang chơi? Lúc ấy Cún làm gì?  *+ Tranh 3* : Khi Bé bị ốm ai đã đến thăm Bé?  H: Nhưng Bé vẫn mong muốn điều gì?  + *Tranh 4*: Lúc Bé bó bột nằm bất động Cún Bông giúp Bé điều gì?  + *Tranh 5*: Bé và Cún đang làm gì ? Bác sĩ nghĩ gì?  - Gọi HS kể  - GV nhận xét.  **\* HĐ 2**: Kể toàn bộ câu chuyện.  *Bài 2*: Gọi HS đọc yêu cầu.  - Gợi ý HS kể theo hình thức: Kể độc thoại.  - Cho HS thi kể  - Nhận xét: giọng kể, điệu bộ, nét mặt.  - Khen thưởng cá nhân, nhóm kể hay.  **3. Củng cố, dặn dò** :  H: Khi kể chuyện phải chú ý điều gì ?  H: Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì ?  **-** GV nhận xét tiết học  - Dặn kể lại câu chuyện và chuẩn bị bài mới. | - Hát  - 2 em kể lại câu chuyện .  - Anh em trong một nhà phải thương yêu giúp đỡ nhau trong mọi hoàn cảnh.  - HS trả lời  - Tình bạn giữa bé và Cún bông.  - Tình bạn đó rất đẹp, rất gần gũi, thân thiết.  - Lắng nghe, ghi bài vào vở.  - Quan sát.  - 1 em nêu yêu cầu  - Chia nhóm  - Lắng nghe  - Tranh vẽ Cún Bông và Bé. Cún Bông và Bé đang chơi trong vườn.  - Bé bị vấp vào một khúc gỗ và ngã rất đau. Cún chạy đi tìm người giúp đỡ.  - Các bạn đến thăm Bé rất đông, còn cho Bé nhiều quà.  - Bé mong gặp Cún vì bé nhớ Cún .  - Cún mang cho Bé tờ báo, bút chì, và quanh quẩn quanh Bé.  - Bé khỏi bệnh, Bé và Cún chơi đùa với nhau. Bác sĩ hiểu nhờ Cún mà Bé khỏi bệnh.  - 5 em trong nhóm kể: lần lượt từng em kể 1 đoạn trước nhóm. Các bạn trong nhóm nghe chỉnh sửa.  - Lớp theo dõi, nhận xét.  - 1 em nêu yêu cầu  - Thi kể độc thoại.  - Nhận xét, chọn cá nhân, nhóm kể hay nhất.  - Lắng nghe  - Kể bằng lời của mình. Khi kể phải thay đổi nét mặt cử chỉ điệu bộ.  - Phải biết thương yêu các con vật nuôi trong nhà.  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**CHÍNH TẢ**

**NGHE – VIẾT: CON CHÓ NHÀ HÀNG XÓM**

**I/ MỤC TIÊU :**

- Nghe viết chính xác bài CT, trình bài đúng bài văn xuôi.

- Làm đúng BT2; BT(3) a/b.

- Rèn chữ viết.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**-** Giáo viên: bảng phụ

- Học sinh : Vở chính tả, bảng con, vở BT.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ** :  - Kiểm tra các từ học sinh mắc lỗi ở tiết học trước. Giáo viên đọc: *sắp xếp, ngôi sao, sương sớm, xôn xao.*  - Nhận xét.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài: Con chó nhà hàng xóm.  **\* Hoạt động 1** : Hướng dẫn viết bài chính tả  **\* Hướng dẫn học sinh chuẩn bị**  - Giáo viên đọc mẫu bài chính tả.  - Gọi 2 HS đọc lại  H: Đoạn văn kể lại câu chuyện nào?  H: Vì sao từ Bé trong đoạn phải viết hoa?  H: Trong hai từ “bé” ở câu “Bé là một cô bé yêu loài vật.” từ nào là tên riêng?  H: Ngoài tên riêng thì những chữ nào viết hoa nữa?  - Hướng dẫn viết từ khó: *quấn quýt, bị thương, mau lành, giường, nuôi*  - Cho HS đọc lại các từ khó trên bảng  **Cho Hs viết bài vào vở**  - Đọc cho HS viết bài.  - Theo dõi, nhắc nhở cách viết và trình bày.  - Đọc cho HS soát lỗi.  - Chấm vở, nhận xét.  **\* Hoạt động 2** : Bài tập.  ***Bài 2*** :  - Bài tập yêu cầu gì ?  - Phát bảng nhóm  - Hướng dẫn sửa.  - Nhận xét, chốt lời giải đúng (SGV/ tr 284).  ***Bài 3*** : Yêu cầu gì ?  - Cho học sinh chọn BTa hoặc BTb làm vào bảng con.  - Nhận xét, chỉnh sửa .  - Chốt lời giải đúng (SGV/ tr 284).  **3. Củng cố, dặn dò** :  - Hôm nay viết chính tả bài gì?  - GV cho HS viết lại các từ khó còn sai nhiều.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS về sửa lỗi và chuẩn bị bài mới. | Hát  - HS nêu các từ viết sai.  - 3 em lên bảng viết  - Lắng nghe  - Nghe, ghi tên bài vào vở.  - Lắng nghe  -2 em đọc lại.  - Câu chuyện “Con chó nhà hàng xóm”  - Từ Bé phải viết hoa vì là tên riêng.  - Từ Bé thứ nhất là tên riêng.  - Viết hoa các chữ cái đầu câu.  - HS nêu các từ khó :.  - Viết bảng con.  - Đọc  - Nghe, ghi bài vào vở.  - Soát lỗi  - Nộp vở  - Tìm 3 tiếng chứa vần ui, 3 tiếng chứa vần uy.  - Trao đổi nhóm ghi ra giấy.  - Nhóm trưởng lên dán bài lên bảng.  - Đại diện nhóm đọc kết quả. Nhận xét.  - Tìm các từ chỉ đồ dùng bắt đầu bằng ch. Tìm 3 tiếng có thanh hỏi, 3 tiếng có thanh ngã.  - HS các nhóm làm trên băng giấy to (hoặc bảng nhóm)  - Lên dán bảng.  - Lắng nghe, sửa bài  - HS trả lời  - Sửa lỗi mỗi chữ sai sửa 1 dòng.  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiên |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Thứ tư ngày 23 tháng 12 năm 2020**

**TẬP ĐỌC**

**THỜI GIAN BIỂU**

**I/ MỤC TIÊU :**

- Biết đọc chậm, rõ ràng các chỉ số giờ; ngắt nghỉ hơi đúng sau dấu câu, giữa cột, dòng.

- Hiểu được tác dụng của thời gian biểu.(trả lời được CH1,2)

\* HS khá, trả lời được câu hỏi 3.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Tranh phóng to thời gian biểu.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ** :  - Gọi 2 em đọc bài “Con chó nhà hàng xóm” và trả lời câu hỏi.  - Nhận xét, biểu duong HS.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài:  ***\* Hoạt động 1*** *: Luyện đọc.*  - GV đọc mẫu.  *- Hướng dẫn HS đọc từng câu*  *-* Cho HS đọc nối tiếp câu đến hết bài.  - Luyện đọc từ khó: *Thời gian biểu, vệ sinh cá nhân.*  - GV chia đoạn và hướng dẫn luyện đọc đoạn.  Đoạn 1 : Tên bài, sáng.  Đoạn 2 : Trưa.  Đoạn 3 ; Chiều.  Đoạn 3 : Tối  - HD đọc câu dài: *Sáng.// 6 giờ đến 6 giờ 30/ Ngủ dậy, tập thể dục,/ vệ sinh cá nhân.//*  - Kết hợp giảng từ: *Thời gian biểu, vệ sinh cá nhân.*  - Đọc từng đoạn trong nhóm.  - Thi đọc  - Nhận xét, kết luận người đọc tốt nhất.  ***\* Hoạt động 2****: Tìm hiểu bài.*  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - Đây là lịch làm việc của ai ?  - Em hãy kể các việc Phương Thảo làm hàng ngày?  - Phương Thảo ghi các việc cần làm vào TGB để làm gì ?  - Thời gian biểu ngày nghỉ của Thảo có gì khác ngày thường?  - Thi tìm nhanh – đọc giỏi.  - Theo dõi, nhận xét.  **3. Củng cố, dặn dò**: | - Hát  - 2 em đọc và TLCH.  - Lắng nghe  - Nghe, ghi tên bài.  -Theo dõi đọc thầm.  - HS nối tiếp nhau đọc từng câu.  - HS luyện đọc các từ khó  - 4 em tiếp nối nhau đọc 4 đoạn trong Thời gian biểu.  - Luyện đọc câu  - 2 em đọc chú thích  - Chia nhóm: đọc từng đoạn  - Thi đọc giữa đại diện các nhóm  - Lắng nghe  - 1 em đọc toàn bài.  - Trả lời  - Đại diện 1 nhóm đọc, nhóm khác phải tìm nhanh, đọc đúng.  - Nghe, khen bạn |

**Bổ sung:** ……………………………………………………………………....................

**TOÁN**

**NGÀY, THÁNG**

**I/ MỤC TIÊU** :

- Biết đọc tên các ngày trong tháng; biết xem lịch để xác định số ngày trong tháng nào đó và xác định một ngày nào đó là thứ mấy trong tuần lễ.

- Nhận biết về các đơn vị đo thời gian: ngày, tháng (nhận biết tháng 11 có 30 ngày, tháng 12 có 31 ngày); ngày, tuần lễ.

- Rèn tính cẩn thận.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**:

- Giáo viên : Một quyển lịch tháng.

- Học sinh : Sách, vở, nháp.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ** :  - Gọi 1 em lên quay đồng hồ theo giờ GV nêu  - Nhận xét.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài.  ***\*HĐ 1****:Giới thiệu cách đọc tên các ngày trong tháng*  - Treo tờ lịch tháng.  - Giới thiệu: Đây là tờ lịch ghi các ngày trong tháng 11. Giáo viên khoanh vào số 20 và nói:  - Ngày vừa khoanh là ngày mấy trong tháng 11?  - Và ứng với thứ mấy trong tuần lễ ?  - GV nói: Ngày vừa khoanh đọc là ngày 20/11.  - GV viết bảng: Ngày 20 tháng 11.  - GV: chỉ bất kì ngày nào trong tờ lịch và yêu cầu HS đọc đúng tên các ngày đó.  - Cột ngoài cùng ghi số chỉ tháng (trong năm). Dòng thứ nhất ghi tên các ngày trong tuần lễ. Các ô còn lại ghi số chỉ các ngày trong tháng.  - Mỗi tờ lịch như một cái bảng có các cột và các dòng. Cùng cột với ngày 20 tháng 11 là thứ bảy nên ta đọc “Ngày 20 tháng 11 là thứ bảy, hoặc thứ bảy ngày 20 tháng 11”  - GV: Tháng 11 bắt đầu từ ngày 1 và kết thúc vào ngày 30. Vậy tháng 11 có bao nhiêu ngày?  - Em hãy đọc tên các ngày trong tháng 11 ?  - Ngày 26 tháng 11 là ngày thứ mấy ?  ***\* Hoạt động 2****: Luyện tập.*  ***Bài 1*** : Yêu cầu HS làm bài.  ***Bài 2 :*** Tờ lịch tháng 12.  - Bài tập yêu cầu gì ?  - Tháng 12 có bao nhiêu ngày ?  - 25/12 là thứ mấy ?  - Tháng 12 có mấy ngày chủ nhật ?  - GV khoanh tròn ngày 19 tháng 12. Yêu cầu HS nhìn vào bảng lịch và trả lời câu hỏi:  - Chủ nhật liền sau ngày 19 tháng 12 là ngày nào ?  - Chủ nhật liền trước ngày 19 tháng 12 là ngày nào ?  -Nhận xét, biểu dương HS.  **3. Củng cố, dặn dò**  **-**  Tháng 12 có bao nhiêu ngày ?  ***-*** Thứ sáu liền sau ngày 20 tháng 12 là ngày nào?  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò- Học cách đọc ngày tháng, tuần lễ trên lịch. | - Hát  - 7 giờ  - 9 giờ tối  - 21 giờ tối  -1 em lên quay đồng hồ.  - Lắng nghe, khen bạn  - Nghe, ghi tên bài vào vở.  - Quan sát.  - Theo dõi.  - HS trả lời  - Chú ý theo dõi  - Vài em nhắc lại.  - HS thực hiện.  - Chú ý lắng nghe  - Vài em nhắc lại :    - Lắng nghe  - Tháng 11 có 30 ngày  - Vài em đọc. Nhận xét.  - Thứ sáu  - Tự làm bài và sửa bài.  - HS nêu: Quan sát tờ lịch tháng 12 rồi nêu tiếp các ngày còn thiếu và nhận xét.  - Tháng 12 có 31 ngày.  - 25/12 là thứ bảy  - Đếm số ngày chủ nhật và nêu  -Theo dõi và trả lời:  - Là ngày 26 tháng 12  - Là ngày 12 tháng 12  - HS trả lời  - Lắng nghe và thực hiện  - Học cách đọc ngày tháng, tuần lễ |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TỪ NGỮ VỀ VẬT NUÔI. CÂU KIỂU AI THẾ NÀO?**

**I/ MỤC TIÊU** *:*

- Bước đầu tìm được từ trái nghĩa với từ cho trước( BT1); biết đặt câu với mỗi từ trong cặp từ trái nghĩa tìm được theo mẫu Ai thế nào? (BT2)

- Nêu đúng tên các con vật được vẽ trong tranh (BT3).

- Chăm chỉ học tập.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên : Bảng phụ viết nội dung BT1. Mô hình kiểu câu BT2 .

- Học sinh : Sách, vở BT, nháp.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC *:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ :**  - Tìm 3 từ chỉ đặc điểm về tính tình của một người  - Tìm 3 từ chỉ đặc điểm màu sắc của một vật ?  - Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ chấm : “Bàn tay của em bé ………..”.  - Nhận xét, biểu dương HS.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài.  ***\* Hoạt động****: Làm bài tập.*  ***Bài 1***:Yêu cầu học sinh đọc đề bài.  - GV nhắc lại: Các em cần tìm những từ có nghĩa hoàn toàn trái ngược với từ đã cho.  - GV chia bảng lớp ra làm 3 phần, mời 3 em lên bảng thi viết nhanh các từ trái nghĩa với từ đã cho.  - Nhận xét.  - GV hướng dẫn sửa bài.  - Chú ý mỗi từ có thể có nhiều từ trái nghĩa.  - Vậy em hãy nêu nhiều từ trái nghĩa với trắng?  - Nhận xét.  ***Bài 2*** :  - Bài 2 yêu cầu gì ?  - Hướng dẫn: Các em hãy chọn một cặp từ trái nghĩa, rồi đặt với mỗi từ một câu theo mẫu: Ai(cái gì, con gì) thế nào ?  - Khi đặt câu cần lưu ý điều gì ?  - Phát giấy to (hoặc bảng phụ).  - Hướng dẫn sửa.  - Cái bút này rất tốt/ Chữ của em còn xấu.  - Bé Nga ngoan lắm./ Con Cún rất hư.  - Hùng bước nhanh thoăn thoắt./ Sên bò rất chậm.  - Chiếc áo rất trắng./ Tóc bạn Hùng đen hơn em.  - Câu cau này quá cao./ Cái bàn ấy thấp quá.  - Tay bố em rất khoẻ./ Răng ông em yếu hơn trước.  ***Bài 3*** :(Viết) Yêu cầu gì ?  - Yêu cầu HS quan sát tranh/ tr 134 và trả lời.  - Lười, chậm chạp.  - Bạn Hùng rất chậm chạp về Toán.  - Hướng dẫn sửa chữa.  - Nhận xét, khen ngợi HS.  **3 .Củng cố, dặn dò** :  - Tìm những từ chỉ tính chất. Đặt câu theo mẫu Ai thế nào ?  - GV nhận xét lớp học.  - Dặn học bài, làm lại bài tập vào VBT, chuẩn bị bài mới. | - Hát  - Hiền, dữ, nóng nảy  - Trắng, tím, nâu,...  - Mũm mĩm.  - Lắng nghe  - Nghe, ghi bài vào vở.  - 1 em đọc, cả lớp đọc thầm.  - HS trao đổi theo cặp.  - 3 em lên bảng thi viết nhanh các cặp từ trái nghĩa.  - Nhận xét.  - Chú ý lắng nghe  - Trái nghĩa với trắng là đen, đen sì.  - Chọn một cặp từ trái nghĩa ở bài tập 1, đặt câu với mỗi từ trong cặp từ đó.  - HS trả lời  - Chia nhóm, nhóm trưởng nhận giấy khổ to (bảng phụ). 3-4 em làm bài, sau đó lên dán.  - Học sinh làm bài vào nháp.  - Nhận xét, điều chỉnh.  - Đại điện các nhóm lên dán bảng.  - Nhận xét. HS đọc lại các câu vừa đặt.  - Viết tên các con vật trong tranh.  - HS quan sát tranh, viết tên từng con vật theo số thứ tự vào vở BT.  - Học sinh báo cáo kết quả làm bài  - Lắng nghe, sửa bài  - Vài em nêu  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**TOÁN**

**THỰC HÀNH XEM LỊCH (T80)**

**I/ MỤC TIÊU *:***

- Biết xem lịch để xác định số ngày trong tháng nào đó và xác định một ngày nào đó là thứ mấy trong tuần lễ.

- Xem được lịch. Bài tập cần làm : 1,2. Học sinh khá, giỏi làm được các bài còn lại.

- Tích cực học tập

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**:

- Giáo viên : Lịch tranh tháng

- Học sinh : Sách toán, vở BT, bảng con, nháp.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ .**  Cho HS xem tờ lịch năm nay và trả lời:  - Ngày 7 tháng 5 năm 2018 là thứ mấy?  - Ngày 14 tháng 3 năm 2018 là thứ mấy?  - Ngày 31 tháng 1 năm 2018 là thứ mấy?  - Ngày chủ nhật đầu tiên của tháng 1 năm 2019 là ngày nào?  - Ngày thứ bảy cuối cùng của tháng 9 năm 2018 là ngày nào?  - Nhận xét.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài: Thực hành xem lịch  ***\* Hoạt động****: Luyện tập.*  ***\* Bài 1:***  ***-*** Treo tờ lịch tranh tháng 1.  - Tháng 1 có mấy ngày?  - Em nêu nhận xét.  ***Bài 2*** : Yêu cầu gì ?  - *Gợi ý*: Một tuần có mấy ngày ?  - Thứ sáu trong tháng 4 là các ngày nào tính theo cách tuần?  - Hướng dẫn tương tự với ngày thứ ba (các ngày cùng cột thứ ba).  - Thứ ba tuần trước ngày 20 là ngày nào ?  - Thứ ba tuần sau ngày 20 tháng 4 là ngày nào ?  - Khoanh vào ngày 30 tháng 4. Nhìn vào tờ lịch xem ngày đó ở cột thứ mấy ?  - Nhận xét.  **3. Củng cố, dặn dò** :  H: Các ngày thứ tư trong tháng 1 năm 2004 là những ngày nào ?  - Nhận xét tiết học, tuyên dương, nhắc nhở.  **-** Nhận xét tiết học, dặn tập thực hành xem lịch. | - Hát  - HS trả lời  - Lắng nghe  - Nghe, ghi tên bài  - 1 em nêu yêu cầu  - Quan sát và trả lời  - tháng 1 có 31 ngày.  - Lắng nghe  - Nêu: Quan sát, ghi tiếp các ngày còn thiếu vào tờ lịch trong tháng 1  - Một tuần có 7 ngày.  - Nhìn vào cột thứ sáu rồi liệt kê ngày đó ra.  - Là ngày 13 tháng 4.  - Là ngày 27 tháng 4.  - 30 tháng 4 là ngày thứ sáu.  - HS trả lời: ngày 7, 14, 21, 28.  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………….................................................................................................................................

..................................................................................................................................

**Thứ năm ngày 24 tháng 12 năm 2020**

**TẬP VIẾT**

**CHỮ HOA O**

**I/ MỤC TIÊU *:***

- Biết viết đúng chữ hoa O (1 dòng cỡ vừa và 1 dòng cữ nhỏ), chữ và câu ứng dụng Ong (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), ong bay bướm lượn (3 lần).

- Chữ viết rõ ràng, tương đối đều nét, thẳng hàng, bước đầu biết nối nét giữa chữ viết hoa với chữ viết thường trong chữ ghi tiếng.

- Giáo dục ý thức giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên : Mẫu chữ *O* hoa. Bảng phụ : Ong, Ong bay bướm lượn.

- Học sinh : Vở Tập viết, bảng con.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ** :  - Kiểm tra vở tập viết của một số học sinh.  - Cho học sinh viết chữ N, Nghĩ vào bảng con.  - Nhận xét.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài: Chữ hoa O.  ***\* HĐ 1****: Quan sát, nhận xét chữ O hoa.*  - Chữ O hoa cao mấy li ?  - Chữ O hoa gồm có những nét cơ bản nào?  - Vừa nói vừa tô trong khung chữ: Chữ O gồm một nét cong kín.  - Quan sát mẫu và cho biết điểm đặt bút ?  - Đặt bút trên đường kẻ 6, đưa bút sang trái, viết nét cong kín, phần cuối lượn vào trong bụng chữ, DB trên ĐK 4  - Giáo viên viết mẫu (vừa viết vừa nói).  - Yêu cầu HS viết 2 chữ O vào bảng.  ***\* HĐ 2****: Hướng dẫn viết cụm từ “Ong bay bướm lượn”*  *Viết cụm từ ứng dụng :*  - Yêu cầu học sinh mở vở tập viết đọc cụm từ ứng dụng.  *Quan sát và nhận xét* :  - Ong bay bướm lượn là gì ?  - GV Cụm từ này tả cảnh ong bướm bay đi tìm hoa rất đẹp và thanh bình.  - Cụm từ này gồm có mấy tiếng? Gồm những tiếng nào ?  - Độ cao của các chữ trong cụm từ “Ong bay bướm lượn” như thế nào ?  - Cách đặt dấu thanh như thế nào ?    - Khi viết chữ Ong ta nối chữ O với chữ ng như thế nào?  - Khoảng cách giữa các chữ (tiếng) như thế nào ? *- Cho HS viết bảng.*  **Hoạt động 3** : Viết vở.  - GV lưu ý tư thế ngồi viết.  - GV nêu yêu cầu viết.  1 dòng : O ( cỡ vừa : cao 5 li)  2 dòng : O(cỡ nhỏ :cao 2,5 li)  1 dòng : Ong (cỡ vừa)  1 dòng :Ong (cỡ nhỏ)  2 dòng : Ong bay bướm lượn ( cỡ nhỏ)  - Cho HS viết vào vở.  - Nhận xét, tuyên dương các bài viết đẹp  - Lưu ý một số bài viết chưa đúng, hướng dẫn HS khắc phục, sửa chữa  **3. Củng cố, dặn dò**:  - Nhận xét bài viết của học sinh, khen ngợi những em có tiến bộ.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS hoàn thành bài viết. | - Hát  - Nộp vở theo yêu cầu.  - 2 HS viết bảng lớp. Cả lớp viết bảng con.  - Lắng nghe  - Lắng nghe  - Cao 5 li  - Gồm một nét cong kín  - 3- 5 em nhắc lại.  - Hs trả lời  - 2-3 em nhắc lại.  - Cả lớp viết trên không.  - Viết chữ: O  - 2-3 em đọc  - Quan sát.  - Ong bướn bay lượn đi tìm hoa  -1 em nhắc lại.  - HS: 4 tiếng là Ong, bay, bướm, lượn  - Chữ O, g, b, y, l cao 2,5 li, các chữ còn lại cao 1 li.  - Dấu sắc đặt trên ươ trong chữ bướm, dấu nặng đặt dưới ươ trong chữ lượn.  - Nét của chữ n nối với cạnh phải của chữ O.  - Bằng khoảng cách viết 1 chữ cái o  - Bảng con : O – Ong .  - Lắng nghe  - Lắng nghe  -Viết vở.  - Chú ý lắng nghe  - Nộp vở, nhận xét  - Lắng nghe, khen bạn  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**CHÍNH TẢ**

**NGHE – VIẾT: TRÂU ƠI !**

**I/ MỤC TIÊU** :

- Nghe viết chính xác, bài CT trình bày đúng bài cao dao thuộc thể thơ lục bát.

- Làm được bài tập 2, 3a/b. học sinh khá, giỏi làm các bài còn lại.

- Rèn chữ viết.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên : Viết sẵn đoạn tập chép “Trâu ơi!”

- Học sinh : Vở chính tả, bảng con, vở BT.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC *:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ** :  - Kiểm tra các từ học sinh mắc lỗi ở tiết học trước: *Cún Bông, quấn quýt, nằm bất động, giường.*  - Nhận xét.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài. Chính tả (nghe viết) : Trâu ơi!  ***\* Hoạt động 1*** *: Hướng dẫn nghe viết.*  *a/ Nội dung đoạn viết:*  - Giáo viên đọc 1 lần bài ca dao.  - Tranh: Cậu bé cưỡi trâu.  - Bài ca dao là lời của ai nói với ai?  - Bài ca dao cho thấy tình cảm của người nông dân đối với con trâu như thế nào ?  *b/ Hướng dẫn trình bày .*  - Bài ca dao có mấy dòng?  - Chữ đầu mỗi dòng thơ viết như thế nào ?  - Bài ca dao viết theo thể thơ nào ?  - Nên bắt đầu viết từ ô nào trong vở ?  c/ *Hướng dẫn viết từ khó*.  - Gợi ý cho HS nêu từ khó: *trâu cày, nghiệp nông gia, quản công.*  - Ghi bảng. Hướng dẫn phân tích từ khó.  - Xoá bảng, đọc cho HS viết bảng.  *d/ Viết chính tả.*  - Đọc từng câu, từng từ, đọc lại cả câu.  - Đọc lại cả bài. Chấm vở, nhận xét.  ***\* Hoạt động 2*** *: Bài tập.*  ***Bài 2*** : Yêu cầu gì ? - Yêu cầu lớp tự làm bài vào SGK.  - Cho 2 em lên bảng làm mẫu cho cả lớp hiểu cách làm. Cả lớp làm vở.  - Nhận xét chốt lại lời giải đúng.  ***Bài 3***: Yêu cầu gì ?  - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở.  - Nhận xét, chốt lời giải đúng (SGV/ tr 294)  **3. Củng cố, dặn dò**:  - Tuyên dương HS viết chính tả đúng chữ đẹp, sạch.  **-** GV nhận xét tiết học  - Dặn học sinh về sửa lỗi và chuẩn bị bài mới. | - Hát  - HS nêu các từ viết sai.  - 3 em lên bảng viết, lớp viết bảng con.  - Lắng nghe  - Nghe, ghi tên bài vào vở  - Theo dõi, 3-4 em đọc lại.  - Quan sát.  - Lời người nông dân nói với con trâu như nói với một người bạn thân thiết.  - Người nông dân rất yêu quý trâu, trò chuyện tâm tình với trâu như một người bạn  - 6 dòng  - Viết hoa  - Thơ lục bát, dòng 6 – 8  - Tính từ lề vở, dòng 6 lùi 3 ô, dòng 8 lùi vào 2 ô.  - HS nêu từ khó :  - Viết bảng con.  - Nghe và viết vở.  - Soát lỗi, sửa lỗi.  - Tìm những tiếng chỉ khác nhau ở vần ao/ au.  - 2 em lên bảng làm mẫu cho cả lớp hiểu cách làm. Cả lớp làm vở.  - Nhận xét.  - Tìm những tiếng thích hợp điền vào chỗ trống.  - 2 em lên bảng làm bảng quay. Lớp làm vở BT. Nhận xét.  - Nhận xét  - Lắng nghe, khen bạn  - Lắng nghe  - Sửa lỗi mỗi chữ sai sửa 1 dòng. |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Thứ sáu ngày 25 tháng 12 năm 2020**

**TẬP LÀM VĂN**

**KHEN NGỢI – KỂ NGẮN VỀ CON VẬT**

**LẬP THỜI GIAN BIỂU**

**I/ MỤC TIÊU :**

- Dựa vào câu và mẫu cho trước, nói được câu tỏ ý khen (BT1).

- Kể được một vài câu về một con vật nuôi quen thuộc trong nhà(BT2). Biết lập thời gian biểu (nóI hoặc viết) một buổi tối trong ngày (BT3).

- Trau dồi thái độ ứng xử, tinh thần trách nhiệm trong công việc, bồi dưỡng tình cảm lành mạnh.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: tranh một số con vật

- HS: Sách Tiếng việt, vở.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ**  - Gọi 3 em đọc bài viết về anh chị em ruột của em.  - Nhận xét, biểu dương HS.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài: Khen ngợi – Kể ngắn về con vật. Lập thời gian biểu.  ***\* Hoạt động****: Làm bài tập.*  ***Bài 1*** :  - Bài 1 yêu cầu gì ?  - GV nhắc nhở HS: Chú ý nói lời chia vui một cách tự nhiên thể hiện thái độ vui mừng của em trai trước thành công của chị.  - GV tổ chức cho HS trả lời theo cặp.  - Nhận xét.  ***Bài 2*** :  - Em nêu yêu cầu của bài ?  - GV nhắc: Các em chỉ nói những điều đơn giản từ 3-5 câu.  - Gọi một số em kể.  - GV nhận xét. Kết luận người kể hay  ***Bài 3* :**  **-** Gọi HS nêu yêu cầu  - nhắc: Lập thời gian biểu đúng với thực tế.  - Viết một thời gian biểu buổi tối của em.  - GV theo dõi uốn nắn**.**  - Nhận xét, chọn bài viết hay nhất.  **3. Củng cố, dặn dò**  - Nhắc lại một số việc khi viết câu kể về một con vật nuôi trong nhà mà em biết.  - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS. | - Hát  - 3 em đọc bài viết.  - Lắng nghe  - Nghe, ghi bài vào vở.  - Đặt một câu với dựa vào câu mẫu để tỏ ý khen.  - Chú ý lắng nghe  - HS làm nháp và phát biểu:  Chú Cường mới khỏe làm sao !  Chú Cường khoẻ quá !  Lớp mình hôm nay sạch làm sao !  Lớp mình hôm nay sạch quá !  Bạn Nam học mới giỏi làm sao !  Bạn Nam học giỏi thật !  - Nhận xét, cả lớp làm vở.  *-* Kể về vật nuôi  - Quan sát.  - HS nối tiếp nhau kể tên con vật em chọn.  *Nhà em nuôi một con mèo nó rất ngoan và xinh. Bộ lông nó màu trắng, mắt nó tròn, xanh biếc. Nó bắt chuột rất tài. Khi em ngủ nó thường đến sát bên em, em cảm thấy rất dễ chịu*  - Nhận xét, lắng nghe  - 1 em nêu yêu cầu  - Chú ý theo dõi  - Đọc thầm thời gian biểu buổi tối của Phương Thảo.  - 1-2 em làm mẫu, dán lên bảng lớp.  - Cả lớp làm vở.  - Học sinh lắng nghe.  - Lắng nghe và hoàn thành bài viết.  - Lắng nghe |

**Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP CHUNG (Tr81)**

**I/MỤC TIÊU**

- Biết các đơn vị đo thời gian: ngày, giờ, ngày, tháng.

- Biết xem lịch. Bài tập cần làm: 1,2. Học sinh khá, giỏi làm được các bài còn lại.

- Tích cực học tập.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Lịch, SGK.

- HS: vở, SGK.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ** .  Điền từ hoặc số vào chỗ chấm :  - Ngày 7 tháng 5 năm 2003 là thứ tư.  - Ngày 8 tháng 3 năm 2003 là …………  - Ngày 9 tháng 1 năm 2004 là …………  - Ngày thứ bảy đầu tiên của tháng 1/2004 là ngày nào…..  - Ngày thứ bảy cuối cùng của tháng 12 năm 2003 là ngày ………  - Nhận xét.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài: Luyện tập chung.  ***\* Hoạt động:*** *Luyện tập.*  ***Bài 1 :***  ***-*** Cho học sinh tự làm bài***.***  - Hướng dẫn trả lời trong SGK.  - Em đang học ở trường lúc 8 giờ sáng ứng với đồng hồ nào ?  - GV lưu ý: 17 giờ hay 5 giờ chiều, 6 giờ chiều hay 18 giờ.  - Nhận xét.  ***Bài 2***:  - Phần a yêu cầu gì ?  -Tháng 5 có bao nhiêu ngày?  - Phần b yêu cầu gì ?  - Ngày 1 tháng 5 là thứ mấy ?  - Em hãy liệt kê các ngày thứ bảy trong tháng 5?  - Cho HS xem các ngày ở cột “thứ tư”.  - Thứ tư tuần này là 12/5, thì thứ tư tuần trước và tuần sau sẽ là ngày mấy ?  - Ngày 19 tháng 5 là thứ mấy ?  - Các thứ hai trong tháng 5 là những ngày nào?  -Thứ bảy tuần này là 15 tháng 5. Thứ bảy tuần trước và tuần sau là ngày nào ?  - Nhận xét.  ***Bài 3*** : Mô hình mặt đồng hồ.  - Yêu cầu HS tự thực hành quay kim tên mặt đồng hồ chỉ giờ nêu trong bài.  - Nhận xét.  **3. Củng cố, dặn dò** :  - Tổ chức trò chơi nêu nhanh kết quả. Giáo đưa ra ngẫu nhiên một số chi tiết yêu cầu hộc sinh nói đúng.  - Nhận xét tổng kết trò chơi.  - Nhận xét tiết học, tuyên dương, nhắc nhở.  **-** Dặn dò: Ôn phép cộng trừ có nhớ. | - Hát  - Học sinh làm phiếu.  - HS trả lời: thứ tư  - thứ bảy  - Thứ sáu  - Ngày 2/1  - Ngày 27/12.  - Lắng nghe  - Lắng nghe, ghi bài vào vở.  - Tự làm bài  - HS mở SGK/ Tr 80.  - HS trả lời: đồng hồ A.  - Nối mỗi câu với đồng hồ chỉ thời gian thích hợp với nội dung đó vào SGK.  - Đọc tên các ngày trong tháng và điền các số còn thiếu vào tờ lịch tháng 5.  - Tháng 5 có 31 ngày.  - Dựa vào tờ lịch tháng 5 đã cho để nhận xét.  - thứ bảy.  - Ngày 1, ngày 8, ngày 15, ngày 22, ngày 29. Có 5 ngày thứ bảy.  - Là ngày 5 tháng 5 và 19 tháng 5.  - HS trả lời  - Ngày 5, 12, 19, 26.  - Thứ bày tuần trước là 8/5, tuần sau là 22/5  - Lắng nghe  - HS tự thực hành quay đồng hồ.  - Nhận xét.  - Học sinh thực hiện trò chơi.  - Lắng nghe, khen bạn  - Lắng nghe  - Ôn phép cộng trừ có nhớ. |

**Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**THỦ CÔNG**

**GẤP CẮT DÁN BIỂN BÁO GIAO THÔNG CHỈ LỐI ĐI THUẬN CHIỀU VÀ BIỂN BÁO CẤM XE ĐI NGƯỢC CHIỀU (TIẾT 2)**

**I/ MỤC TIÊU :**

- HS biết cách gấp, cắt, dán biển báo giao thông cẩm đi ngược chiều

- Gấp, cắt, dán được biển báo giao thông cấm xe đi ngược chiều. Đường cắt có thể mấp mô. Biển báo tương đối cân đối. Có thể làm biển báo giao thông có kích thước to hoặc bé hơn kích thước GV hướng dẫn

- HS có hứng thú với giờ học thủ công.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:Mẫu biển báo chỉ lối đi thuận chiều và biển báo cấm xe đi ngược chiều; Quy trình gấp, cắt, dán.

- HS : Giấy thủ công, vở.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ** : Tiết trước học kĩ thuật bài gì ?  - Gọi HS lên bảng thực hiện 3 bước gấp cắt dán.  - Nhận xét, đánh giá.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài.  ***\* HĐ 1:*** *HS thực hành gấp, cắt, dán.*  - Gọi HS nhắc lại quy trình gấp cắt, dán biển báo chỉ lối đi thuận chiều và biển báo cấm xe đi ngược chiều.  - Cho HS thực hành:  ***Bước 1***: Gấp cắt biển báo cấm xe đi ngược chiều.  - Gấp cắt hình tròn màu đỏ từ hình vuông cạnh 6 ô.  - Gấp cắt hình chữ nhật màu trắng có chiều dài  4 x 1 ô.  - Cắt hình chữ nhật màu khác có chiều dài 10 x1 ô làm chân biển báo.  ***Bước 2*** : Dán biển báo cấm xe đi ngược chiều.  - Dán chân biển báo lên tờ giấy trắng.  - Dán hình tròn màu đỏ chồm lên chân biển báo nửa ô.  - Dán hình chữ nhật màu trắng giữa hình tròn.  ***\* HĐ 2****: Đánh giá sản phẩm*  - Cho HS trưng bày sản phẩm.  - GV đưa các tiêu chí đánh giá;  - Gấp đúng qui trình  - Cắt đúng  - Dán không bị dúm  - Cùng HS đánh giá sản phẩm  **3. Củng cố, dặn dò**  - Nhận xét tiết học, tuyên dương những bài đẹp.  **-** Dặn dò lần sau mang giấy nháp, GTC, bút chì, thước kẻ, kéo, hồ dán. | - Hát  - Gấp cắt dán BBGT và biển báo cấm.  - 2 em thực hiện các thao tác gấp.  - Nhận xét.  - Lắng nghe  - Vài em nhắc lại  - HS thực hành gấp:  - Gấp cắt hình tròn.  - Gấp cắt hình chữ nhật màu trắng.  - Gấp cắt hình chữ nhật màu khác.  - HS thực hành theo nhóm.  - Dán vào vở,  - Hoàn thành và dán vở.  - Trưng bày sản phẩm  - Lắng nghe  - Nhận xét, đánh giá bài bạn  - Lắng nghe, khen bạn  - Lắng nghe và thực hiện  - Đem đủ đồ dùng. |

**Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………….................................................................................................................................

..................................................................................................................................

**THỦ CÔNG**

**GẤP CẮT DÁN BIỂN BÁO GIAO THÔNG CHỈ LỐI ĐI THUẬN CHIỀU VÀ BIỂN BÁO CẤM XE ĐI NGƯỢC CHIỀU (TIẾT 2)**

**I/ MỤC TIÊU :**

- HS biết cách gấp, cắt, dán biển báo giao thông cẩm đi ngược chiều

- Gấp, cắt, dán được biển báo giao thông cấm xe đi ngược chiều. Đường cắt có thể mấp mô. Biển báo tương đối cân đối. Có thể làm biển báo giao thông có kích thước to hoặc bé hơn kích thước GV hướng dẫn

- HS có hứng thú với giờ học thủ công.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:Mẫu biển báo chỉ lối đi thuận chiều và biển báo cấm xe đi ngược chiều; Quy trình gấp, cắt, dán.

- HS : Giấy thủ công, vở.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Bài cũ** : Tiết trước học kĩ thuật bài gì ?  - Gọi HS lên bảng thực hiện 3 bước gấp cắt dán.  - Nhận xét, đánh giá.  **2. Bài mới** :  - Giới thiệu bài.  ***\* HĐ 1:*** *HS thực hành gấp, cắt, dán.*  - Gọi HS nhắc lại quy trình gấp cắt, dán biển báo chỉ lối đi thuận chiều và biển báo cấm xe đi ngược chiều.  - Cho HS thực hành:  ***Bước 1***: Gấp cắt biển báo cấm xe đi ngược chiều.  - Gấp cắt hình tròn màu đỏ từ hình vuông cạnh 6 ô.  - Gấp cắt hình chữ nhật màu trắng có chiều dài  4 x 1 ô.  - Cắt hình chữ nhật màu khác có chiều dài 10 x1 ô làm chân biển báo.  ***Bước 2*** : Dán biển báo cấm xe đi ngược chiều.  - Dán chân biển báo lên tờ giấy trắng.  - Dán hình tròn màu đỏ chồm lên chân biển báo nửa ô.  - Dán hình chữ nhật màu trắng giữa hình tròn.  ***\* HĐ 2****: Đánh giá sản phẩm*  - Cho HS trưng bày sản phẩm.  - GV đưa các tiêu chí đánh giá;  - Gấp đúng qui trình  - Cắt đúng  - Dán không bị dúm  - Cùng HS đánh giá sản phẩm  **3. Củng cố, dặn dò**  - Nhận xét tiết học, tuyên dương những bài đẹp.  **-** Dặn dò lần sau mang giấy nháp, GTC, bút chì, thước kẻ, kéo, hồ dán. | - Hát  - Gấp cắt dán BBGT và biển báo cấm.  - 2 em thực hiện các thao tác gấp.  - Nhận xét.  - Lắng nghe  - Vài em nhắc lại  - HS thực hành gấp:  - Gấp cắt hình tròn.  - Gấp cắt hình chữ nhật màu trắng.  - Gấp cắt hình chữ nhật màu khác.  - HS thực hành theo nhóm.  - Dán vào vở,  - Hoàn thành và dán vở.  - Trưng bày sản phẩm  - Lắng nghe  - Nhận xét, đánh giá bài bạn  - Lắng nghe, khen bạn  - Lắng nghe và thực hiện  - Đem đủ đồ dùng. |

**Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………….................................................................................................................................

..................................................................................................................................

**HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ**

**SINH HOẠT LỚP**

***I. Mục tiêu :***

**-** HS nắm được ưu khuyết điểm trong tuần.

- Rèn luyện ý thức phê bình và tự phê bình của học sinh.

**-** Biết kế hoạch tuần 17.

***II.Chuẩn bị:***

- Nắm kế hoạch của trường trong tuần 17

- Nắm rõ tình hình học tập, nề nếp của lớp.

***III.Các hoạt động dạy học chủ yếu:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Hoạt động 1:**   **-** Sơ kết, đánh giá tuần qua  \* Giao viên đánh giá chung  - Nề nếp khá ổn.  - Xếp hàng ra vào lớp, thể dục giữa giờ, hoạt động đầu giờ thực hiện khá nghiêm túc  - Tích cực tham gia xây dựng lớp học xanh, sạch , đep.  - Đi học chuyên cần, không có học sinh nghỉ học.  - Biểu dương những học sinh chăm chỉ học tập, gương mẫu trong các hoạt động.  \* Tồn tại  - Vẫn còn một số em hay nói chuyện, chưa tập trung trong giờ học  - Trực nhật: Tổ trực nhật còn chưa tự giác, dụng cụ trực nhật cfon chưa gọn gàng.   1. **Hoạt động 2:** Kế hoạch tuần 17   - Học chương trình tuần 17  - Thực hiện đúng nội quy, quy chế của nhà trường  - Chăm chỉ học tập, làm bài  - Vệ sinh trường lớp thường xuyên  - Tiếp tục nộp các khoản tiền  - Yêu cầu HS bình bầu thi đua  **III.Hoạt động 3 :** Tổng kết  - Tổ chức trò chơi  - Nhận xét tiết sinh hoạt | - Các tổ trưởng báo cáo các mặt trong tuần 16  - Lớp trưởng tổng kết  - Lớp góp ý, bổ sung  - Lắng nghe  - Bình bầu thi đua  - Trò chơi “ Đoàn kết”  - Hát tập thể  - Lắng nghe |

**Bổ sung:** .........................................................................................................................

.........................................................................................................................................